

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 721/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1977.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Số A Tỉnh lộ E, tổ 10, ấp B, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;  
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn U.

Giấy chứng nhận kết hôn số 834 T98, quyển số 1 ngày 05/10/1998 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Lê Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn U không còn giá trị pháp lý.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: có 02 con tên Nguyễn Quỳnh N1, sinh ngày 22/7/1998 (đã thành niên) và Nguyễn Như Q, sinh ngày 25/3/2001 (đã thành niên)

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: không có.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà N tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0084214 ngày 09/7/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi lập. Hoàn lại cho bà N số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Võ Văn Dũng**